



Hội thảo phổ biến về Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 (AEC) và các FTA mà Việt Nam tham gia

Kiên Giang, 12/06/2014

Cộng đồng Kinh tế ASEAN:

Cơ hội, thách thức đối với
Doanh nghiệp Việt Nam



Hoàng Văn Phương
Vụ Chính sách thương mại đa biên
Bộ Công Thương

Kiên GianG, 12/06/2014



Kết cấu trình bày



- I. Tầm quan trọng của dịch vụ và đầu tư đối với nền kinh tế
- II. Tổng quan về cam kết thương mại dịch vụ và đầu tư trong các FTA Việt Nam tham gia
- III. Giới thiệu Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS)
- IV. Giới thiệu Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

TẦM QUAN TRỌNG CỦA DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ



Tầm quan trọng của dịch vụ đối với nền kinh tế



- Lĩnh vực dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu của nền kinh tế quốc dân (đóng góp 40% GDP)
- Thương mại dịch vụ góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông, phân phối hàng hóa, thúc đẩy thương mại hàng hóa phát triển
- Tạo công ăn việc làm cho xã hội (lao động trong các ngành dịch vụ chiếm 30% tổng công ăn việc làm của cả nước)
- Ngày 27/01/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020.

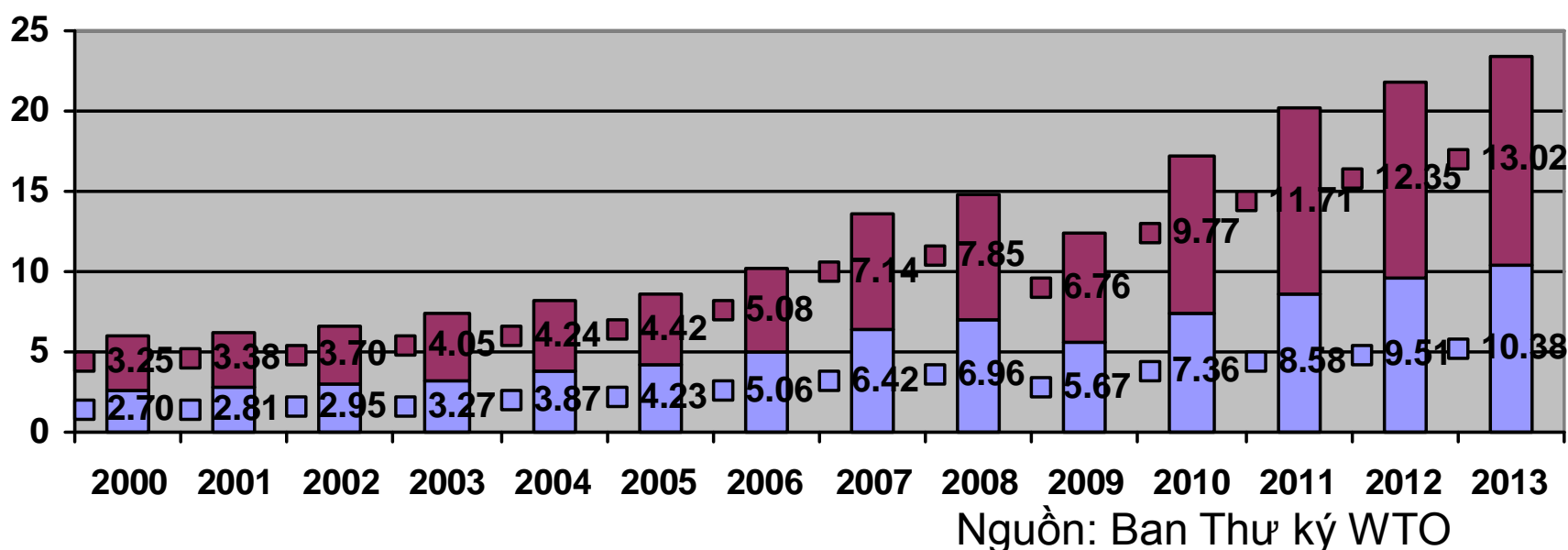


Tầm quan trọng của dịch vụ và đầu tư đối với nền kinh tế



Kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam giai đoạn 2000-2013

Đơn vị: Tỷ USD





Tầm quan trọng của FDI đối với nền kinh tế



- Đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư cho nền kinh tế trong nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển
- Thúc đẩy xuất khẩu
- Tăng cường chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức sản xuất, marketing
- Phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, nâng cao đời sống của người lao động

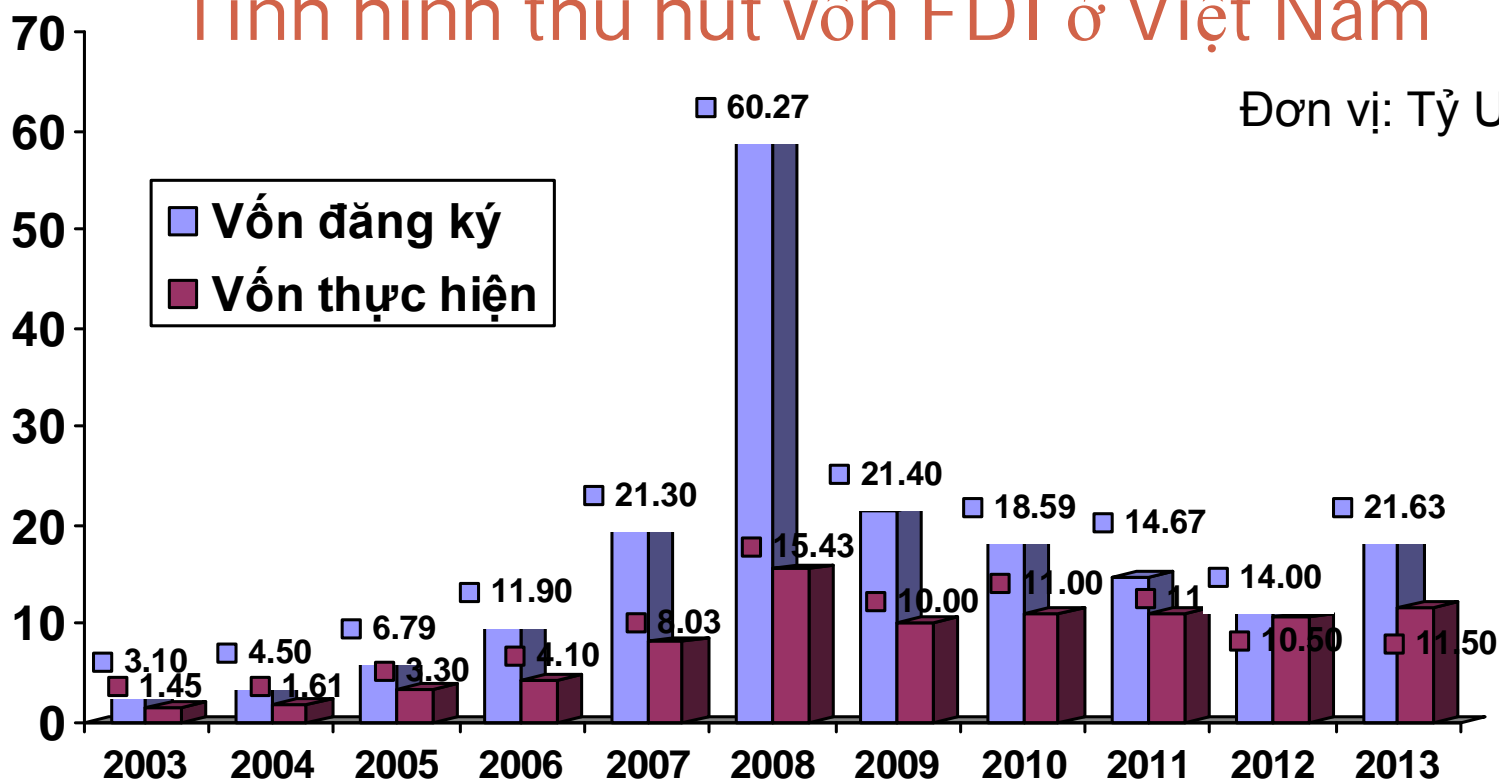


Tầm quan trọng của FDI đối với nền kinh tế



Tình hình thu hút vốn FDI ở Việt Nam

Đơn vị: Tỷ USD



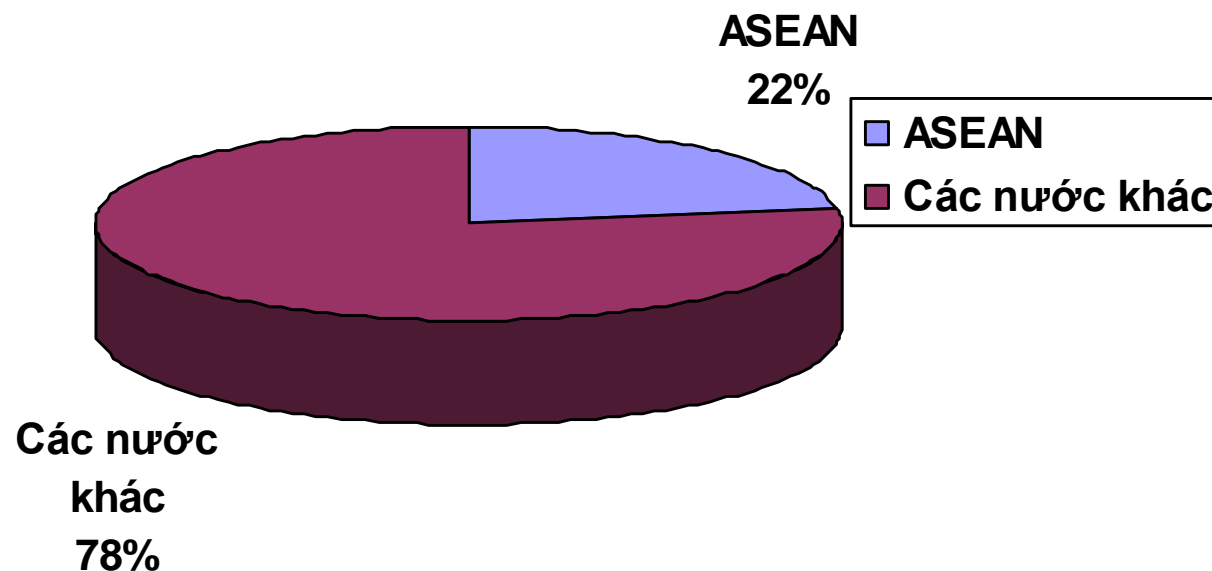
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Tầm quan trọng của dịch vụ và đầu tư đối với nền kinh tế



Vốn đầu tư đăng ký vào Việt nam tính đến cuối năm 2013 (chỉ tính các dự án còn hiệu lực)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TỔNG QUAN VỀ CAM KẾT THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TRONG CÁC FTA VIỆT NAM THAM GIA



Đàm phán dịch vụ trong các FTA

- Cơ sở đàm phán: Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS) của WTO
- GATS bao gồm: văn bản hiệp định, 8 phụ lục và biểu cam kết của từng nước
- WTO phân chia các hoạt động dịch vụ khác nhau thành 12 ngành (trong đó gồm 155 phân ngành)
- WTO xác định 6 loại rào cản dịch vụ phổ biến cần tự do hoá:
 - Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ
 - Hình thức doanh nghiệp
 - Tỷ lệ vốn góp nước ngoài tối đa
 - Giá trị giao dịch
 - Số lượng giao dịch
 - Số lượng thể nhân được tuyển dụng



Đàm phán dịch vụ trong các FTA



- Điều V của GATS cho phép các nước thành viên WTO được đàm phán, ký kết các FTA song phương/khu vực với điều kiện: tự do hóa đối với hầu hết các ngành/phân ngành dịch vụ (substantial sectoral coverage), từng bước xóa bỏ các biện pháp phân biệt đối xử và các hạn chế tiếp cận thị trường và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà cung cấp dịch vụ.
- Việt Nam đã cam kết 11/12 ngành trong WTO. Cam kết của ta trong các FTA là cam kết FTA+.



Đàm phán đầu tư trong các FTA



- Cơ sở đàm phán: các thoả thuận đầu tư song phương (BIT)
- Mục đích: nhằm mục đích loại bỏ các rào cản, ưu đãi mang tính phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư và khoản đầu tư, thiết lập các tiêu chuẩn đối xử tiến tiến đối với FDI và tăng cường giám sát đảm bảo sự vận hành đúng đắn của môi trường đầu tư



Cam kết dịch vụ và đầu tư trong FTA đã ký



	AFTA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	AANZFTA	AIFTA	VJEPA
Dịch vụ	Hiệp định (đang đàm phán nâng cấp)	Hiệp định	Hiệp định	Chương (đang đàm phán)	Chương	Hiệp định (chuẩn bị ký)	Chương
Đầu tư	Hiệp định	Hiệp định	Hiệp định	Chương (đang đàm phán)	Chương	Hiệp định (chuẩn bị ký)	Chương



Tình hình đàm phán dịch vụ và đầu tư trong các FTA đang đàm phán

- Các FTA đang đàm phán hiện nay mà Việt Nam tham gia đều có dịch vụ và đầu tư, bao gồm:
 - + RCEP
 - + TPP
 - + EVFTA
 - + VKFTA
 - + EFTA
 - + VCUFTA

GIỚI THIỆU HIỆP ĐỊNH KHUNG ASEAN VỀ DỊCH VỤ (AFAS)



Hiệp định AFAS



- Hiệp định khung về dịch vụ của ASEAN (AFAS) ký năm 1995 và Nghị định thư sửa đổi AFAS ký năm 2003.
- Nội dung Hiệp định điều chỉnh hoạt động cung cấp dịch vụ giữa các nước ASEAN
- Nội dung tương tự Hiệp định GATS/WTO (gồm 14 Điều khoản)



Hiệp định AFAS

Hợp tác

- Trao đổi thông tin
- Tăng cường năng lực
- Nghiên cứu và phát triển

Tự do hóa

- Đàm phán các cam kết cụ thể thông qua các vòng đàm phán
- Không cho phép ban hành các biện pháp phân biệt đối xử và hạn chế tiếp cận thị trường mới

Thuận lợi hóa

- Đàm phán các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong các phân ngành dịch vụ (tư vấn kỹ thuật, khảo sát đất đai, khám chữa bệnh, kiến trúc, ...)
- Tạo thuận lợi cho di chuyển thể nhân cung cấp dịch vụ



Hiệp định AFAS

- ASEAN đã hoàn thành Gói 8 (cam kết cho 80 phân ngành) trong năm 2012
- Đang đàm phán Gói 9 (cam kết cho 104 phân ngành), sau đó sẽ đàm phán Gói cuối cùng (cam kết cho 124 phân ngành) nhằm hướng tới mục tiêu tự do hóa dịch vụ đến năm 2015.
- ASEAN đang đàm phán Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA) nhằm nâng cấp Hiệp định AFAS và tổng hợp các cam kết dịch vụ trong các FTA ASEAN+1.



Biểu cam kết



- Biểu cam kết dịch vụ gồm 3 phần: (i) Cam kết chung cho tất cả các ngành dịch vụ; (ii) Cam kết cụ thể cho từng phân ngành dịch vụ; (iii) Danh mục các biện pháp được miễn trừ đối xử tối huệ quốc (MFN).
- Biểu cam kết có 4 cột: (i) mô tả ngành/phân ngành; (ii) hạn chế về tiếp cận thị trường (MA); (iii) hạn chế về đối xử quốc gia (NT); (iv) cam kết bổ sung.
- 4 phương thức cung cấp dịch vụ



Cam kết cụ thể đến năm 2015



Dịch vụ ưu tiên tự do hóa (y tế, du lịch, vận tải hàng không và e-ASEAN): cho phép tỷ lệ vốn góp nước ngoài đến 70% vào năm 2010

Dịch vụ logistics: cho phép tỷ lệ vốn góp nước ngoài đến 70% vào năm 2013

Dịch vụ phi ưu tiên: cho phép tỷ lệ vốn góp nước ngoài đến 70% vào năm 2015

Phương thức 1 và Phương thức 2: Không hạn chế



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



- Cam kết Gói 8 của Việt Nam về có mức độ mở cửa hơn so với WTO.
- Cam kết chung cho tất cả các ngành (tương tự cam kết WTO):
 - Công ty nước ngoài không được hiện diện tại Việt Nam dưới hình thức chi nhánh (trừ khi được cho phép với ngành cụ thể)
 - Tổ chức và cá nhân nước ngoài được mua cổ phần trong DN Việt Nam với tỷ lệ phải phù hợp với mức mở cửa của ngành liên quan (riêng ngân hàng, tối đa 30% cổ phần)
- Cam kết cụ thể (cơ bản như WTO, một số ngành mở cửa hơn và bổ sung 1 số ngành mới)



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu khí (tương tự WTO):

- DN nước ngoài được thành lập công ty 100% vốn nước ngoài từ 11/01/2012 để cung ứng các dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu khí
- Tuy nhiên, VN giữ quyền quản lý các hoạt động trên biển, thêm lục địa và quyền chỉ định công ty thăm dò, khai thác tài nguyên, bảo lưu được danh mục các dịch vụ dành riêng cho các doanh nghiệp Việt Nam như dịch vụ bay, dịch vụ cung cấp trang thiết bị và vật phẩm cho dàn khoan xa bờ v.v...



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ viễn thông (tương tự WTO):

- Dịch vụ viễn thông có gắn với hạ tầng mạng: chỉ DN Nhà nước nắm đa số vốn mới được đầu tư vào hạ tầng mạng, nước ngoài chỉ được góp vốn đến 49% trong các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ này và cũng chỉ được liên doanh với đối tác VN đã được cấp phép
- Dịch vụ viễn thông không gắn với hạ tầng mạng (phải thuê mạng của các DN do Việt Nam nắm quyền kiểm soát): cho phép thành lập liên doanh đa số vốn nước ngoài để cung cấp dịch vụ



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ phân phối (tương tự WTO):

- Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài từ 01/01/2009
- Hạn chế khả năng mở điểm bán lẻ của DN FDI (mở điểm bán lẻ thứ hai trở đi phải xin phép theo từng trường hợp cụ thể)
- Loại trừ: xăng dầu, dược phẩm, sách, báo, tạp chí, băng hình, thuốc lá, gạo, đường và kim loại quý



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ bảo hiểm (tương tự WTO):

- Nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm nước ngoài được thành lập công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài từ 11/01/2007, được quyền cung cấp các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc kể từ ngày 01/01/2008 và thành lập chi nhánh bảo hiểm phi nhân thọ từ 11/01/2012



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ ngân hàng (tương tự WTO):

- Cho phép các ngân hàng nước ngoài thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài tại VN (tổng tài sản > 10 tỷ USD) không muộn hơn ngày 01/4/2007
- Cho phép ngân hàng nước ngoài được thành lập chi nhánh tại Việt Nam (tổng tài sản > 20 tỷ USD) nhưng chi nhánh đó sẽ không được phép mở chi nhánh phụ
- Không cho phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở điểm giao dịch ngoài trụ sở chi nhánh, hạn chế các tổ chức tín dụng nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng thương mại quốc doanh cổ phần hóa



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ chứng khoán (tương tự WTO):

- Cho phép thành lập công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài và chi nhánh 11/01/2012
- Cho phép thành lập liên doanh 49% vốn nước ngoài từ 11/01/2007. Từ 11/01/2012, cho phép thành lập công ty 100% vốn nước ngoài và chi nhánh để cung cấp dịch vụ chứng khoán đối với một số loại hình dịch vụ như quản lý tài sản, thanh toán, tư vấn liên quan đến chứng khoán, trao đổi thông tin tài chính



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Dịch vụ in ấn (mở cửa hơn WTO) :

- Không cam kết trong WTO
- Trong AFAS 8: cho phép tỷ lệ vốn góp nước ngoài đến 51% đối với riêng phân ngành dịch vụ in ấn và xuất bản phục vụ cho đóng gói



Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong AFAS



Các dịch vụ còn lại:

- Phần lớn tương tự như cam kết WTO
- Cam kết cao hơn WTO trong 1 số phân ngành
- Bổ sung cam kết cho 1 số phân ngành mới: dịch vụ đóng gói, dịch vụ đại lý hàng hải,...

GIỚI THIỆU HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN ASEAN (ACIA)



Hiệp định ACIA

- Hiệp định ACIA được ký kết vào tháng 02 năm 2009 và chính thức có hiệu lực từ ngày 29 tháng 3 năm 2012
- Hiệp định ACIA là hiệp định về đầu tư mới của ASEAN, thay thế cho Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư của ASEAN (IGA) 1987 và Hiệp định Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) 1998 (các hiệp định tiền thân của Hiệp định ACIA)
- Mục đích của Hiệp định ACIA:
 - Tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho kinh doanh/đầu tư trong khu vực;
 - củng cố lòng tin của các nhà đầu tư để tăng cường thu hút đầu tư vào ASEAN;
 - Tăng cường đầu tư nội khối ASEAN và khuyến khích phát triển chuyên môn hóa, hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước ASEAN.



Hiệp định ACIA

- Bao gồm 4 khía cạnh: tự do hóa, bảo hộ, xúc tiến và thuận lợi hóa đầu tư
- Áp dụng cách tiếp cận chọn bỏ (negative list) đi kèm với 10 Danh mục bảo lưu của các nước thành viên ASEAN và các điều khoản rà soát để tăng cường tự do hóa
- Hiệp định ACIA được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế tốt nhất, tái khẳng định các nghĩa vụ đối xử quốc gia và nguyên tắc tối huệ quốc
- Tái khẳng định cam kết trong các hiệp định tiền thân
- Các điểm hoàn thiện hơn IGA và AIA:
 - Quy định cụ thể mối quan hệ giữa các điều khoản về tự do hóa và bảo hộ đầu tư
 - Quy định rõ ràng và minh bạch hơn về phê duyệt đầu tư và chuyển tiền
 - Đưa ra các định nghĩa toàn diện và chi tiết hơn, phù hợp với các hiệp định đầu tư quốc tế
 - Có các điều khoản toàn diện hơn về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước
 - Mở rộng phạm vi và áp dụng



Hiệp định ACIA



Phạm vi điều chỉnh:

- Bao gồm cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp
- Phạm vi tự do hóa bao gồm các ngành sản xuất, nông-lâm-ngư nghiệp, khai khoáng và các dịch vụ liên quan
- Tự do hóa dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS)
- Điều khoản bảo hộ của Hiệp định ACIA áp dụng cho tất cả các ngành
- Mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư của ASEAN cũng như các nhà đầu tư có trụ sở ở ASEAN (được hưởng lợi ích không phân biệt đối xử)
- Các nước được phép đưa ra Danh mục bảo lưu của mình



Danh mục bảo lưu Hiệp định ACIA



- Bảo lưu đối với các ngành/phân ngành có sự phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư/khoản đầu tư nước ngoài với nhà đầu tư/khoản đầu tư trong nước
- Danh mục bảo lưu sẽ được tự do hóa theo lộ trình 3 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1: từ 1/1/2008-31/12/2010 đối với ASEAN8, từ 1/1/2008-31/12/2011 đối với Lào và My-an-ma
 - Giai đoạn 2: từ 1/1/2011-31/12/2012 đối với ASEAN8, từ 1/1/2012-31/12/2013 đối với Lào và My-an-ma
 - Giai đoạn 3: từ 1/1/2013-31/12/2014 đối với ASEAN8, từ 1/1/2014-31/12/2015 đối với Lào và My-an-ma



Danh mục bảo lưu Hiệp định ACIA

- Mỗi bảo lưu trong danh mục phải cung cấp các thông tin: ngành, phân ngành, mã ngành, cấp ban hành, loại biện pháp, mô tả biện pháp, nguồn biện pháp, giải thích.

3.

Sector	:	All Sectors
Sub-Sector	:	-
Industry Classification	:	-
Level of Government	:	Central
Type of Obligation	:	National Treatment
Description of Measure	:	NT may not apply to conditions imposed in investment licenses permits/certificates that were issued before the entry into force of this Agreement ³
Source of Measure	:	Decree 101/2006/ND-CP; dated 21/9/2006
Justification	:	-

Website đăng tải Hiệp định AFAS và ACIA



Trang web của BTK ASEAN:
www.asean.org

Xin chân thành cảm ơn!

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)